CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2024

CTCP Nhiệt điện Ninh Bình

Ngày 28/06/2024	12,800 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-3.8%	**-0.8%**	**0%**

DT thuần
Q2/24
415
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 49.0| 13.3%
YoY: ▲ 55.0| 15.1%

LN thuần
Q2/24
-0.66
tỷ VNĐ
QoQ: ▼3.22| -126%
YoY: ▼26.2| -103%

LN sau thuế
Q2/24
-0.53
tỷ VNĐ
QoQ: ▼2.56| -126%
YoY: ▼21.6| -103%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/24
0.1%
YoY: +/-▼ 0.8%

ROE (TTM)
Q2/24
-2.6%
YoY: +/-▼ 8.4%

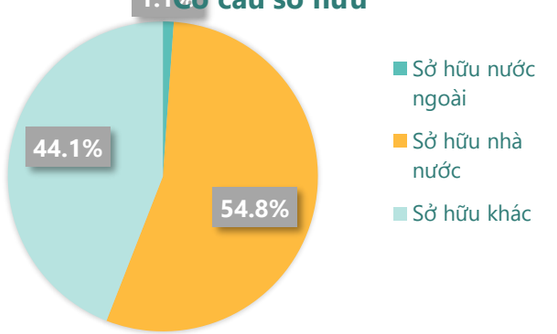
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	11,561 - 15,600
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	165
Số lượng CPLH (CP)	12,865,500
KLGD BQ 20 phiên (CP)	2,270
Sở hữu nước ngoài	1.1%
Beta	(0.12)
EPS	-531
P/E	-24.1

DT thuần
6T 2024
780
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 388| 99.3%

LN thuần
6T 2024
1.90
tỷ VNĐ
YoY: ▼18.7| -90.7%

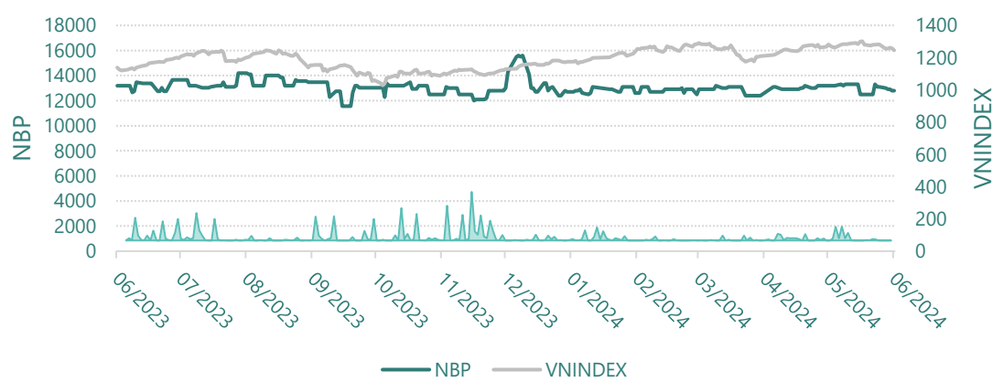
LN sau thuế
6T 2024
1.50
tỷ VNĐ
YoY: ▼14.7| -90.7%

Cơ cấu sở hữu

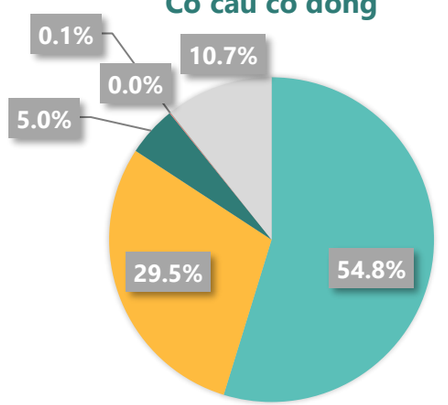


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



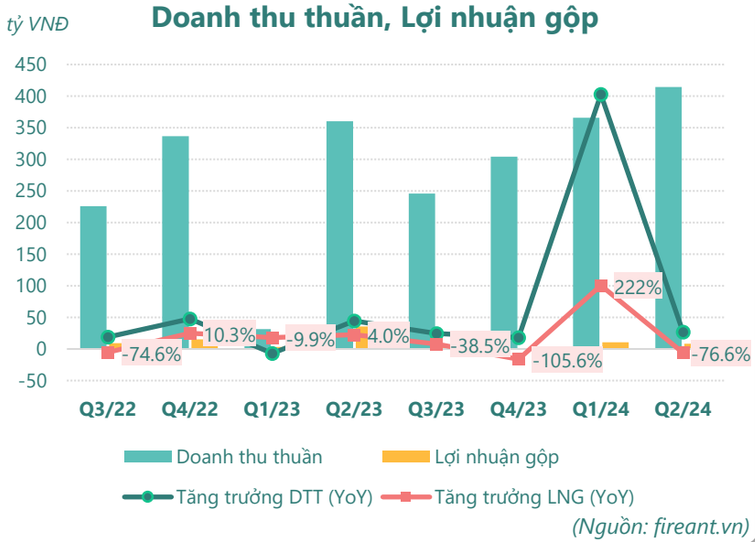
Cơ cấu cổ đông



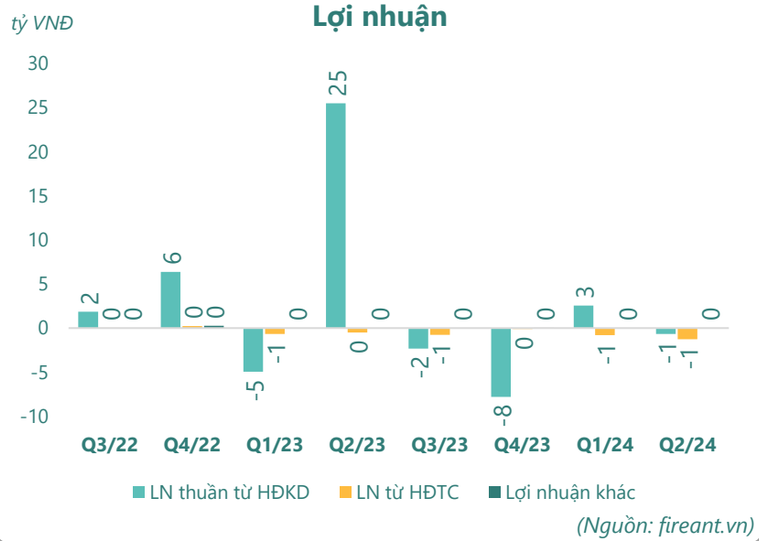
Tổng Công ty Phát điện 3 - CTCP
Công ty TNHH Năng lượng REE
America LLC
Tổng Đức Chính
Lương Thị Thúy (Kế toán trưởng)
Khác

(Nguồn: fireant.vn)

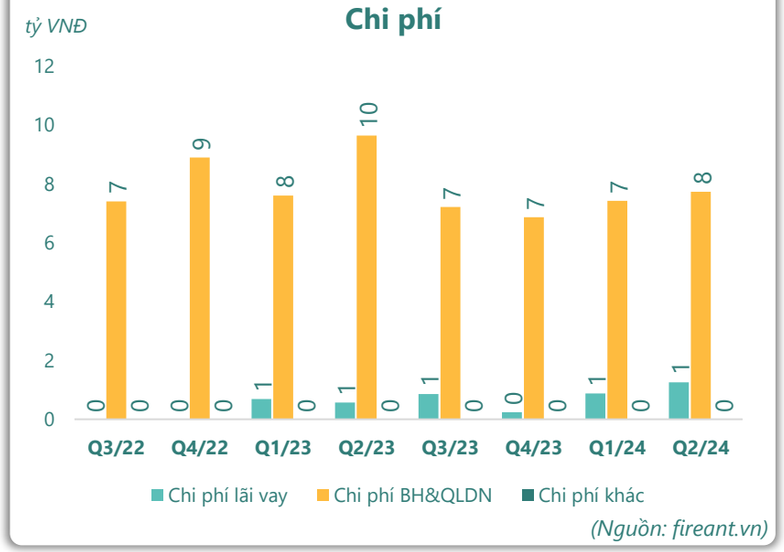
KẾT QUẢ KINH DOANH



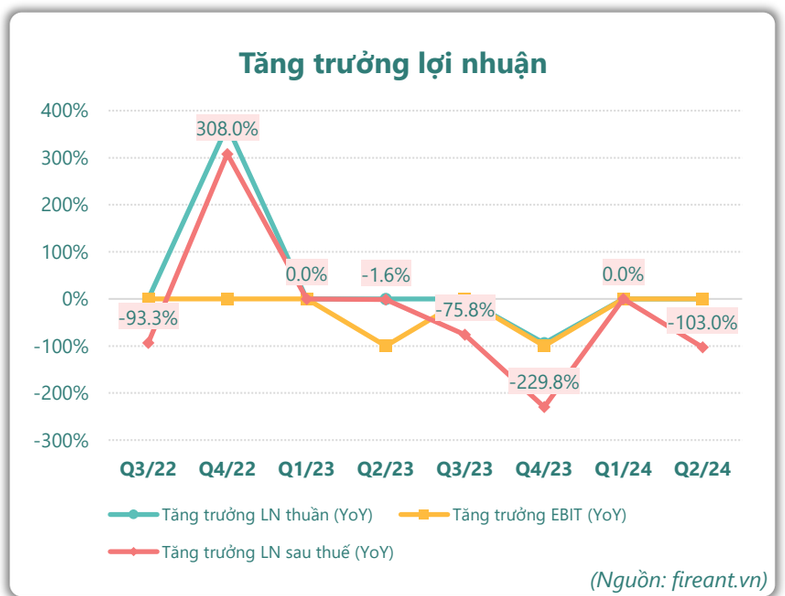
(Nguồn: fireant.vn)



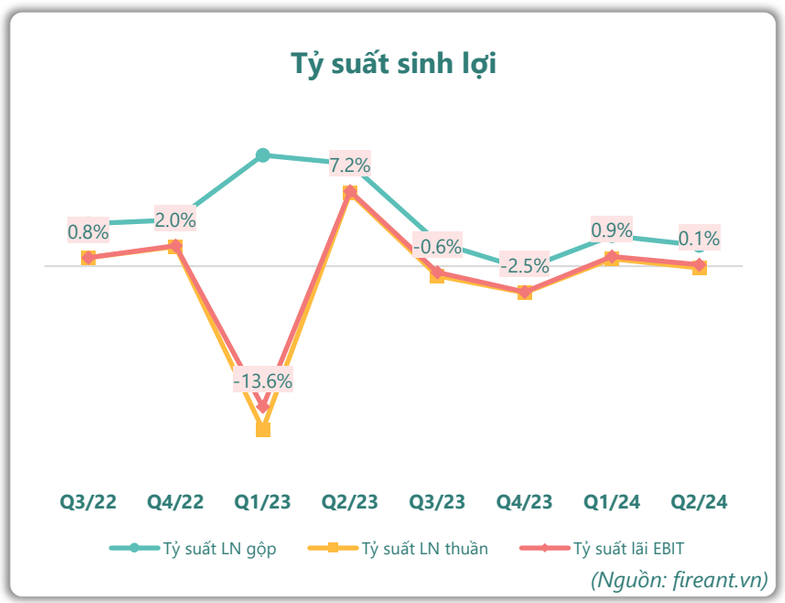
(Nguồn: fireant.vn)



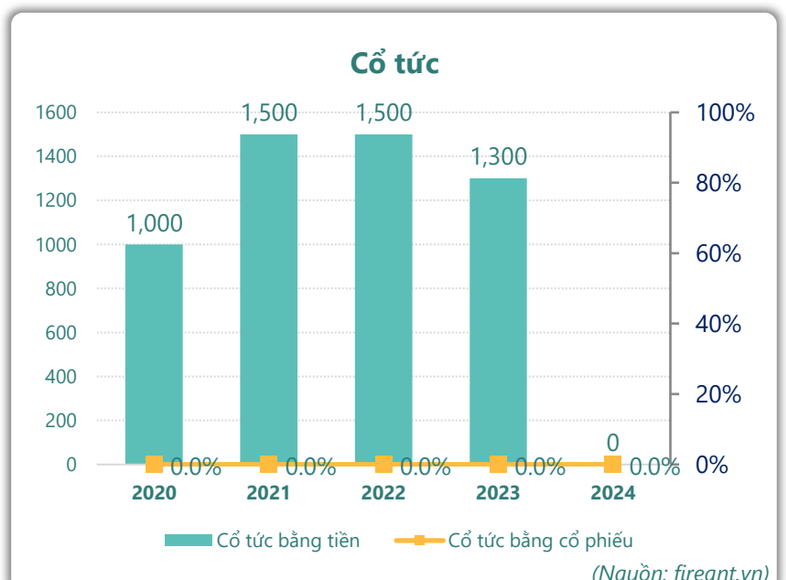
(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)



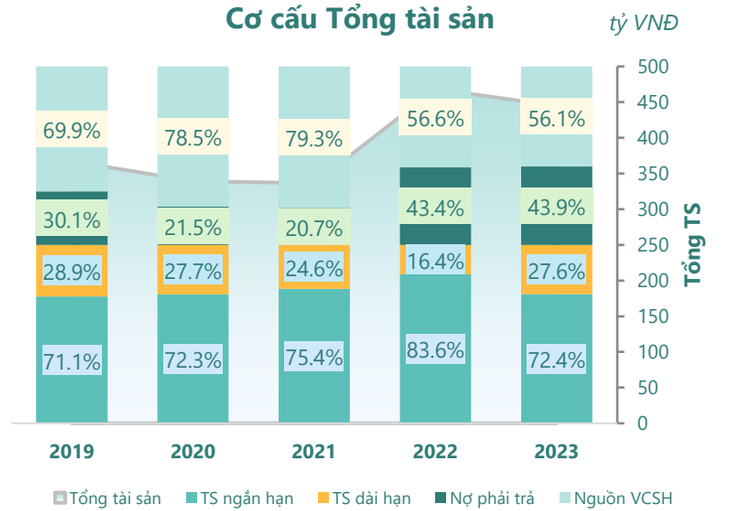
(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)

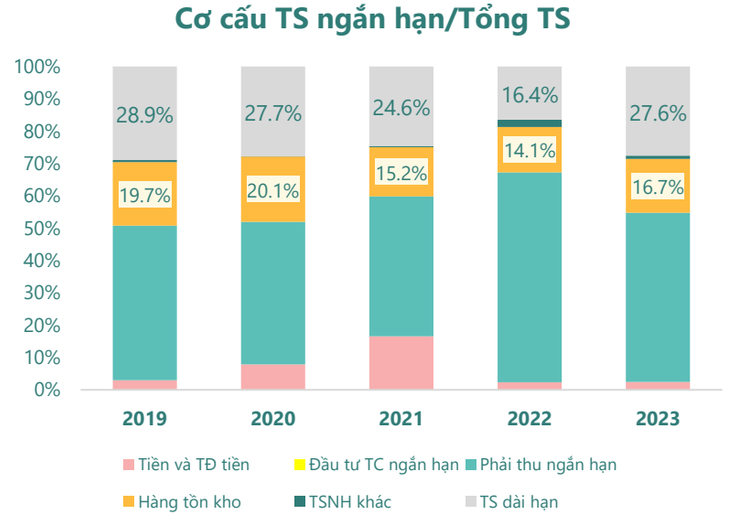
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



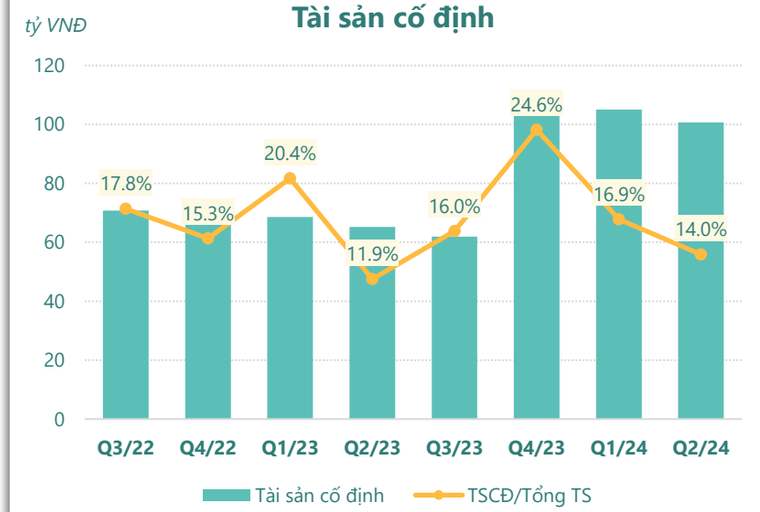
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



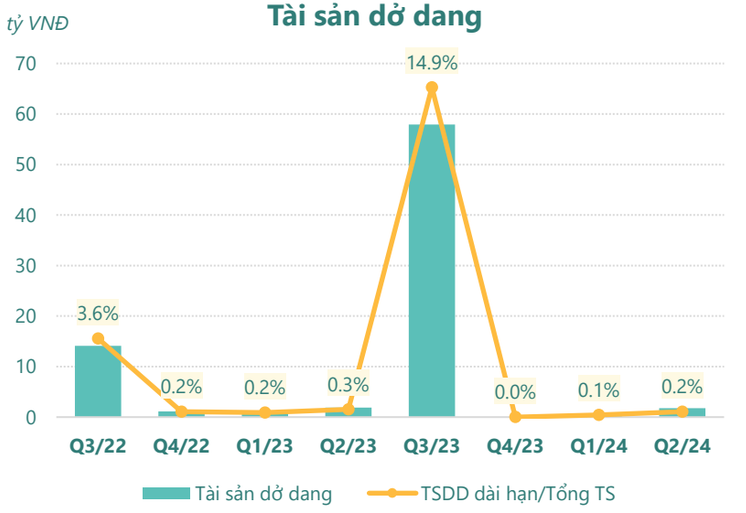
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



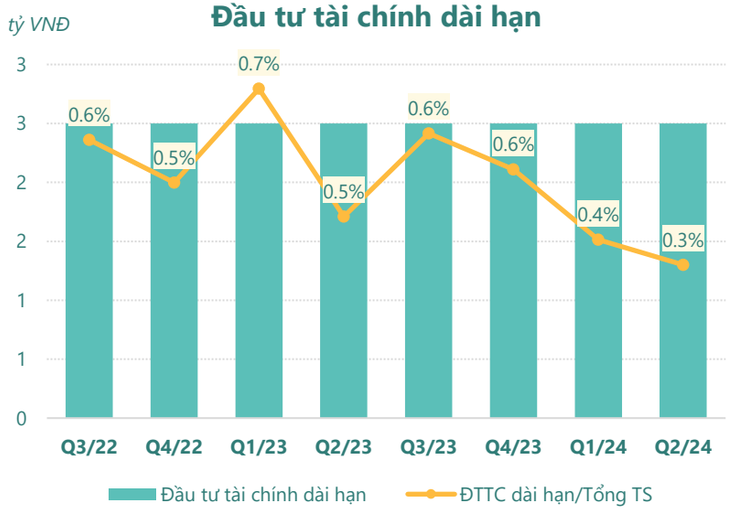
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



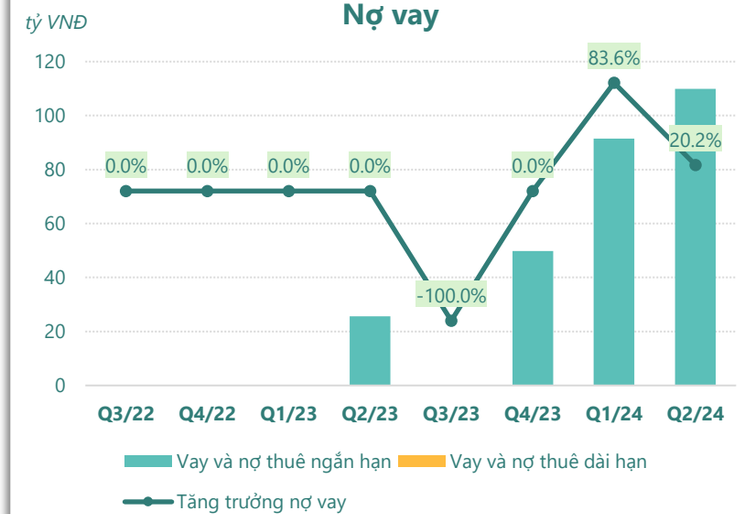
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

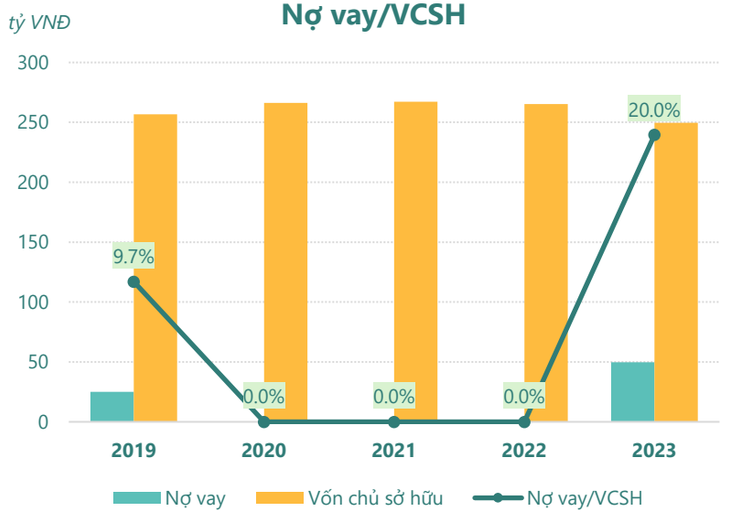
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

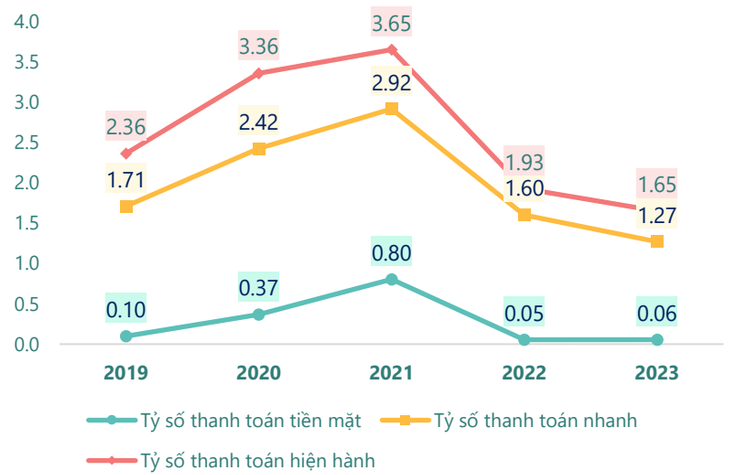
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



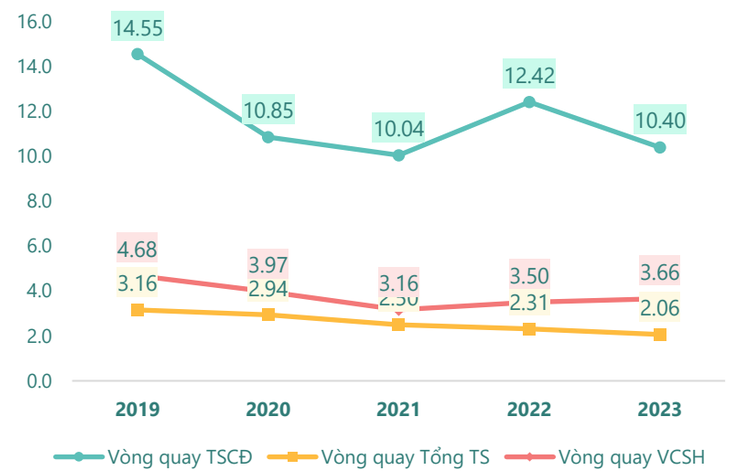
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



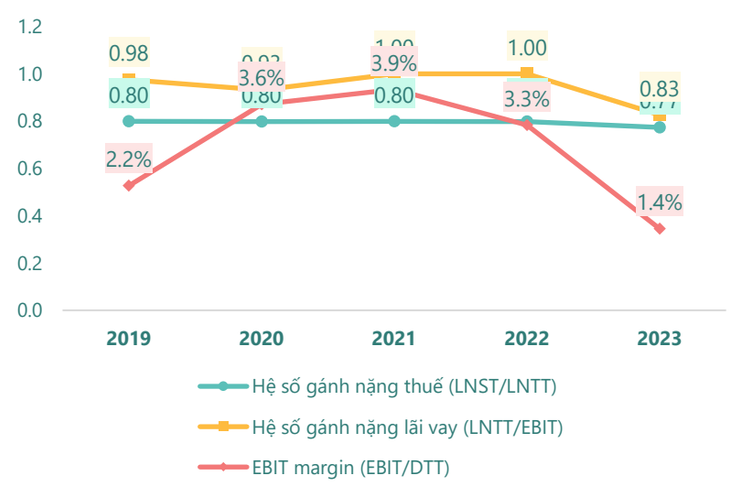
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



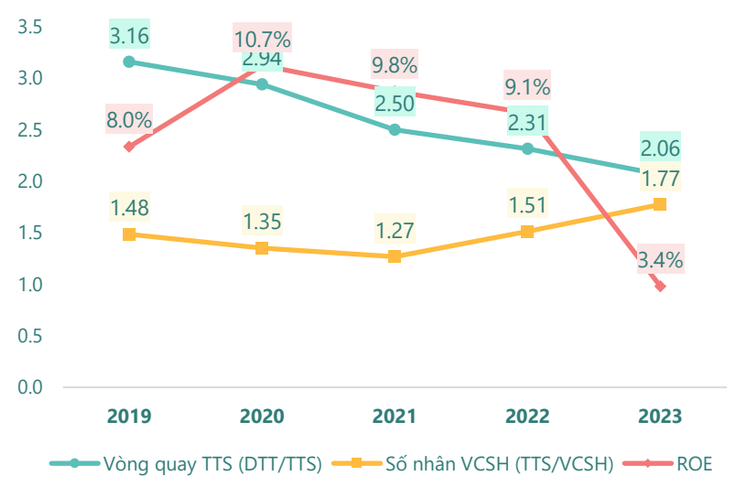
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



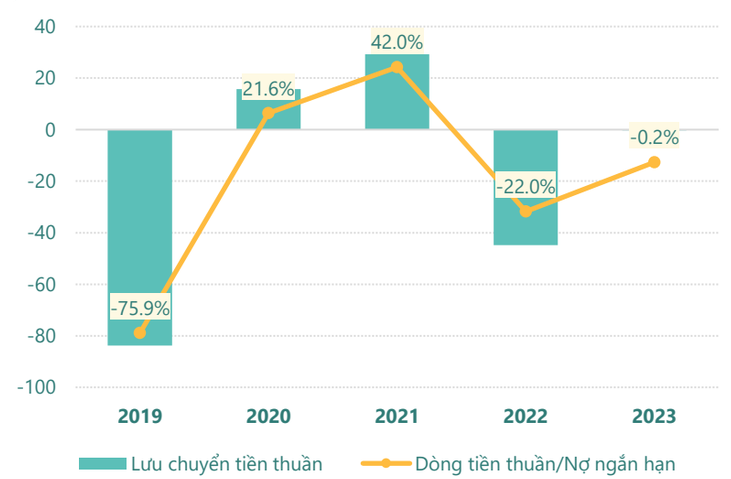
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q2/23	Thay đổi YoY	6T 2024	6T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**415**	**360**	**15.1%**	**780**	**392**	**99.3%**
Giá vốn hàng bán	406	325	25.0%	761	353	116%
Lợi nhuận gộp	8.33	35.6	-76.6%	19.1	39.0	-51.0%
Doanh thu HĐTC	0.01	0.08	-87.3%	0.09	0.08	8.6%
Chi phí TC	1.26	0.57	121%	2.13	1.25	70.3%
Chi phí lãi vay	1.26	0.57	121%	2.13	1.25	70.3%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0.04	0.02	117%	0.08	0.06	44.9%
Chi phí QLDN	**7.69**	**9.63**	**-20.1%**	**15.1**	**17.2**	**-12.3%**
LN thuần từ HĐKD	-0.66	25.5	-103%	1.90	20.6	-90.7%
Lợi nhuận khác	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
LN trước thuế	-0.66	25.5	-103%	1.90	20.6	-90.7%
Lợi nhuận sau thuế	**-0.53**	**21.1**	**-103%**	**1.50**	**16.2**	**-90.7%**
LNST của CĐ cty mẹ	**-0.53**	**21.1**	**-103%**	**1.50**	**16.2**	**-90.7%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	2.07	121	-82.2	-23.8	-94.9	-185
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0	-6.34	-25.6	-18.3	0.08	0.01
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0.03	-0.08	0	33.2	91.5	190
Tiền đầu kỳ	11.1	13.2	127	19.8	10.8	7.45
Lưu chuyển tiền thuần	**2.09**	**114**	**-108**	**-8.95**	**-3.35**	**4.85**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	13.2	127	19.8	10.8	7.45	12.3

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**721**	**445**	**62.1%**
Tài sản ngắn hạn	605	322	88.1%
Tiền và tương đương tiền	12.3	10.8	13.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	436	233	87.2%
Hàng tồn kho	133	74.2	79.6%
Tài sản ngắn hạn khác	24.1	4.08	491%
Tài sản dài hạn	**116**	**123**	**-5.9%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	101	109	-8.0%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	1.79	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	2.50	2.50	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**10.6**	**10.9**	**-3.2%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	472	195	142%
Nợ ngắn hạn	**472**	**195**	**142%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	110	49.8	121%
Phải trả người bán ngắn hạn	343	131	161%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**249**	**250**	**-0.3%**
Vốn chủ sở hữu	**249**	**250**	**-0.3%**
Vốn điều lệ	129	129	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)